UBND TP NAM ĐỊNH
TT Y TẾ TP NAM ĐỊNH

Số: 839 /TTYTTPNĐ
V/v mời chào giá dịch vụ thẩm định giá

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

Nam Định, ngày 21 tháng 11 năm 2024

Kính gửi: Các đơn vị/tổ chức thẩm định giá.

Căn cứ Quyết định số 1951/QĐ- UBND ngày 12/09/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt dự toán thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Mua sắm trang thiết bị y tế nâng cao năng lực chuyên môn đơn nguyên chạy thận nhân tạo và khoa phục hồi chức năng của Trung tâm Y tế thành phố Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-TTYT ngày 17 tháng 9 năm 2024 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Mua sắm trang thiết bị y tế nâng cao năng lực chuyên môn đơn nguyên chạy thận nhân tạo và khoa phục hồi chức năng của Trung tâm y tế thành phố Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 740/QĐ-TTYT ngày 03 tháng 11 năm 2024 về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán các gói thầu chuẩn bị đầu tư lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật Mua sắm trang thiết bị y tế nâng cao năng lực chuyên môn đơn nguyên chạy thận nhân tạo và khoa Phục hồi chức năng của Trung tâm Y tế thành phố Nam Định.

- Dự kiến tổng mức đầu tư: 14.994.379.407 đồng.

Trong đó:

+ Dự toán thiết bị dự kiến: 13.850.000.000 đồng.

+ Chi phí khác để thực hiện dự án: 1.144.379.407 đồng.

Để có căn cứ cơ sở tham khảo giá dịch vụ thẩm định giá. Trung tâm Y tế thành phố Nam Định kính mời các đơn vị doanh nghiệp có đủ năng lực, khả năng cung cấp dịch vụ gửi báo giá dịch vụ thẩm định giá và hồ sơ năng lực cho Trung tâm với nội dung cụ thể như sau.

1. Thông tin thẩm định giá tài sản.

- Tên đơn vị đề nghị thẩm định giá: Trung tâm Y tế thành phố Nam Định.

Địa chỉ: số 1B Thái Bình- Trần Tế Xương- TP Nam Định.

- Hàng hoá đề nghị thẩm định giá: *(có phụ lục kèm theo).*
- Mục đích thẩm định giá: Phục vụ công tác mua sắm cho Trung tâm.
- Thời điểm thẩm định giá: Tháng 11/2024

2. Yêu cầu hồ sơ chào giá bao gồm các tài liệu sau.

- Bản chào giá, đăng ký kinh doanh và hồ sơ năng lực của doanh nghiệp.

Số điện thoại/Email của đơn vị chào giá trong trường hợp Trung tâm cần liên lạc.

3. Thời gian, địa chỉ nhận báo giá.

- Trung tâm Y tế thành phố Nam Định

Địa chỉ: số 1B Thái Bình- Trần Tế Xương- TP Nam Định. Điện thoại: 02283.637.567 hoặc scan gửi địa chỉ Email: trungtamytetpnd@gmail.com trước ngày 01/12/2024 để Trung tâm tổng hợp báo cáo.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý đơn vị./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi.
- Ban giám đốc (Để báo cáo).
- Lưu văn thư.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Nhung

PHỤ LỤC THƯ MỜI CHÀO GIÁ

STT	Tên trang thiết bị	Tên thương mại của trang thiết bị	Chủng loại	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Hãng, nước sản xuất	Hãng nước chủ sở hữu	ĐVT	Khối lượng
1	Máy chạy thận nhân tạo	Máy thận nhân tạo 4008S	4008S	Theo phụ lục đính kèm	Fresenius Medical Care AG & Co. KGaA.	Fresenius Medical Care AG & Co. KGaA.	Máy	20
2	Máy chạy thận nhân tạo (HDF online)	Máy thận nhân tạo 5008S HDF ONLINE	5008S	Theo phụ lục đính kèm	Fresenius Medical Care AG & Co. KGaA.	Fresenius Medical Care AG & Co. KGaA.	Máy	01
3	Hệ thống xử lý nước lọc RO cho chạy thận nhân tạo		AA-RO2000L	Theo phụ lục đính kèm	Việt Nam	Việt Nam	Hệ thống	02
4	Máy kéo nắn cột sống	Máy kéo nắn cột sống	ELTRAC 471	Theo phụ lục đính kèm	ENRAF-NONIUS/ HÀ LAN	ENRAF-NONIUS/ HÀ LAN	Hệ thống	01
5	Máy siêu âm điều trị	Máy siêu âm điều trị	Sonopuls 490	Theo phụ lục đính kèm	Enraf-nonius/ Hà Lan	Enraf-nonius/ Cộng hòa Séc	Máy	02
6	Thiết bị điện xung trị liệu	Thiết bị điện xung trị liệu	Endomed 482	Theo phụ lục đính kèm	Enraf-nonius/ Hà Lan	Enraf-nonius/ Cộng hòa Séc	Máy	02
7	Tủ sấy parafin trị liệu	Tủ sấy parafin	TSPRF – 20	Theo phụ lục đính kèm	Tiến Đạt – Việt Nam	Tiến Đạt – Việt Nam	Máy	01
8	Máy tập đa năng	Hệ thống tập đa năng toàn thân	EX-100	Theo phụ lục đính kèm	GOODPL – Hàn Quốc	GOODPL – Hàn Quốc	Máy	01
9	Máy xoa bóp trị liệu bằng hơi	Máy trị liệu xoa bóp tuần hoàn khí	POWER-Q6000	Theo phụ lục đính kèm	WONJIN MULSAN CO., LTD. – Hàn Quốc	WONJIN MULSAN CO., LTD. – Hàn Quốc	Máy	01

10	Máy kích thích phát âm	Máy kích thích phát âm	Multitronic MT-4E	Theo phụ lục đính kèm	EIE/ BA LAN	EIE/ BA LAN	Máy	01
11	Máy laser cường độ cao	Máy laser điều trị công suất cao	MPHI	Theo phụ lục đính kèm	Asa/ Ý	Asa/ Ý	Máy	01
12	Máy điều trị nhiệt nóng lạnh	Máy nén khí nóng lạnh trị liệu	CTC-7	Theo phụ lục đính kèm	DAESUNG MAREF CO.,LTD – Hàn Quốc	DAESUNG MAREF CO.,LTD – Hàn Quốc	Máy	01
13	Bộ trang thiết bị cho phòng tập trẻ tự kỷ	Bộ trang thiết bị cho phòng tập trẻ tự kỷ		Theo phụ lục đính kèm	PhaNa/ Việt Nam	PhaNa/ Việt Nam	Bộ	01
14	Xe đạp tập chủ động	Xe đạp tập chủ động	DS B501	Theo phụ lục đính kèm	DENG SHUENN/ Đài Loan	DENG SHUENN/ Đài Loan	Chiếc	01
15	Xe đạp tập thụ động	Máy tập phục hồi chức năng chi dưới	MOTOLIFE	Theo phụ lục đính kèm	CHINESPORT SPA- Ý	CHINESPORT SPA- Ý	Chiếc	01
16	Thang gỗ gắn tường	Thang gỗ gắn tường	PN27.0	Theo phụ lục đính kèm	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Phana;Việt Nam	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Phana;Việt Nam	Cái	01

PHỤ LỤC VỀ CẤU HÌNH VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

1. Máy thận nhân tạo 4008S

STT	Thông số kỹ thuật hàng hóa
I	**Yêu cầu chung**
	Năm sản xuất: 2021-2022 trở về sau

	Đạt tiêu chuẩn chất lượng: Chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng quốc tế đạt tiêu chuẩn Châu Âu EC, chứng chỉ ISO 13485
	Nguồn điện :Phù hợp với lưới điện Việt Nam 220VAC/50Hz
	- Điều kiện môi trường làm việc:
	+ Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C
	+ Độ ẩm tối đa: ≥ 80%
	Phân loại TTBYT: Loại C
	Phân nhóm TTBYT: Nhóm 1
	Xuất xứ: Fresenius Medical Care/Đức
II	**Cấu hình tối thiểu cho mỗi máy**
1	**Máy chính**
	Máy chính : 01 chiếc
	Bộ dây nối với dịch lọc A, B: 01 bộ (gắn sẵn)
	Bộ dây nối với hệ thống nước RO: 01 dây
	Bộ dây nối với hệ thống nước thải: 01 dây
	Cây treo dịch truyền/ Cọc đỡ dịch mồi: 01 cái
	Giá đỡ quả lọc: 01 cái
	Dây nguồn gắn sẵn: 01 dây
	Que hút hoá chất tẩy trùng : 01 cái
	Màng lọc dịch siêu sạch: 01 màng lọc
	Sách Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ
2	**Thông số kỹ thuật**
	Nước cung cấp
	Áp lực đầu vào: 1,5-6,0 bar.
	Nhiệt độ: từ 5°C – 30 °C
	Đầu ra tối đa cao: 1 m
	Nguồn cấp dịch trung tâm (nếu có)

	Áp lực cấp: Độ cao 1 m
	Môi trường hoạt động
	Nhiệt độ trong phòng: từ 15 °C – 30 °C.
	Áp suất khí quyển: 700 hPa – 1060 hPa.
	Độ ẩm: 30% - 75%; 95% trong thời gian ngắn, không ngưng tụ
	Bảo quản
	Nhiệt độ: -20°C đến +60°C với chất chống đông; 5°C đến +60°C không dùng chất chống đông .
	Khả năng chịu tải của giá treo dịch truyền
	Khả năng chịu tải tối đa: 5 kg
	Các tín hiệu ngõ ra
	Alarm in: chức năng gọi sự trợ giúp
	Alarm out: hiển thị trạng thái của máy
	KHỐI DÂY MÁU BÊN NGOÀI
	+ Bơm máu động mạch:
	Tốc độ bơm: 15 tới 600 ml/phút đối với dây máu đường kính cỡ Ø8mm
	Độ chính xác: ±10%
	Đường kính dây máu: 2 đến 10 mm
	+ Kiểm soát áp lực động mạch:
	Khoảng hiển thị: -300 mmHg tới + 280 mmHg
	Độ chính xác: ±10 mmHg
	+ Kiểm soát áp lực tĩnh mạch:
	Khoảng hiển thị: –60 mmHg tới + 520 mmHg
	Độ chính xác: ±10 mmHg
	+ Kiểm soát áp lực xuyên màng:
	Khoảng hiển thị: – 60 mmHg tới + 520 mmHg
	Bộ phát hiện khí tĩnh mạch:

	Phát hiện bong bóng khí nhờ vào bộ phát sóng siêu âm.
	+ Bơm Heparin:
	Lưu lượng truyền: khoảng từ 0 đến 10ml/h
	Bonus: tối đa 5 ml /lần.
	Kích cỡ xy lanh: 20 ml.
	+ Hệ thống thẩm phân kim đơn (tùy chọn)
	Dùng 2 bơm máu, kiểm soát áp lực bên trong/ áp lực bằng lượng nhát hút thay đổi
	Dòng dịch tối ưu (adapted flow) :
	Lưu lượng dịch lọc (Qd) = Lưu lượng máu thực tế (Qb) x Hệ số AdaptedFlow (F)
	Hệ số (F): từ 1.0 đến 2.0 với mức tăng dần 0.1
	KHỐI THỦY LỰC
	Tốc độ (lưu lượng) dịch lọc: 0-300-500-800 ml/min
	Nhiệt độ dịch: 35°C đến 39 °C
	Độ dẫn điện của dịch lọc: Khoảng hiển thị : 12.8-15.7 mS/cm (25°C)
	Độ chính xác: ± 0.1 mS/cm
	+ Nồng độ cho dịch Acetate hoặc dịch Acid (Acid dialysate)
	Tỉ lệ trộn dịch mặc định tối thiểu 1 + 34 (có thể thay đổi)
	Khoảng thay đổi: 125 đến 150 mmol/l
	+ Nồng độ Bicarbonate trong dịch lọc
	Tỷ lệ trộn mặc định: tối thiểu 1 + 27,6 (có thể thay đổi).
	Khoảng thay đổi: – 8 đến + 8 mmol/l bicarbonate
	+ Dịch bicarbonate bột
	Có thể phối hợp với Bibag 5008 (Bột Bicarbonate)
	+ Hệ thống lọc dịch thẩm phân
	Màng lọc dịch Diasafe Plus: Giúp dịch thẩm phân trở nên siêu sạch khi đến màng lọc

	Độ cân bằng chính xác của dịch lọc: ± 0.1% so với lưu lượng dịch lọc
	+ Siêu lọc
	Tốc độ rút ký: khoảng từ 0 đến 41 giờ
	Độ chính xác: ± 1 %.
	Tương thích với hệ số UF của màng lọc: Không giới hạn
	Các thông số hiển thị: UF Goal, UF time, UF rate và UF volume (số ký cần rút , thời gian rút ký, tốc độ rút ký và số ký đã rút)
	+ Bộ phát hiện rò rỉ máu
	Độ nhạy: 0,5 ml máu/phút (Hct = 25) với mức lưu lượng tối đa: 800ml/phút
	+ Đo độ thanh thải trực tuyến (OCM)
	Độ chính xác của độ thanh thải K: ± 6 %
	CÁC CHƯƠNG TRÌNH RỬA MÁY
	Rửa đơn thuần dùng nước RO nhiệt độ 37°C/600ml/phút
	Rửa nước nóng nhiệt độ 84°C/450ml/phút và tuần hoàn
	Rửa hóa chất nóng nhiệt độ độ 84°C/450ml/phút và tuần hoàn
	Rửa hóa chất nhiệt độ thường 37°C/600ml/ phút
	Có thể liên kết nhiều chương trình với nhau.

2. Máy chạy thận nhân tạo 5008S (HDF Online)

I	**Yêu cầu chung**
	Năm sản xuất: 2021-2022 trở về sau
	Đạt tiêu chuẩn chất lượng: Chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng quốc tế đạt tiêu chuẩn Châu Âu EC, chứng chỉ ISO 13485
	Nguồn điện :Phù hợp với lưới điện Việt Nam 220VAC/50Hz
	- Điều kiện môi trường làm việc:
	+ Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C
	+ Độ ẩm tối đa: ≥ 80%
	Phân loại TTBYT: Loại C
	Phân nhóm TTBYT: Nhóm 1

	Xuất xứ: Fresenius Medical Care/Đức
	Năm sản xuất: 2021-2022 trở về sau
II	**Cấu hình tối thiểu cho mỗi máy**
	Cấu hình cho mỗi máy
	Máy chính: 01 chiếc
	Bộ dây nối với dịch lọc A, B: 01 bộ
	Bộ dây nối với hệ thống nước RO: 01 bộ
	Bộ dây nối với hệ thống nước thải: 01 bộ
	Cây treo dịch truyền: 01 bộ
	Giá đỡ quả lọc: 01 bộ
	Que hút hoá chất tẩy trùng: 02 bộ
	Thẻ bệnh nhân: 04 thẻ
	Dây nguồn: 01 bộ
	Màng lọc dịch siêu sạch (diasafe plus): 02 màng lọc
III	**Thông số kỹ thuật**
	Kích thước: 1680x350x780 (HxWxD) mm
	Trọng lượng: khoảng 100 kg
	Màn hình theo dõi: Màn hình phẳng tinh thể lỏng 15 inch, giao diện sử dụng bằng cảm ứng có thể quay 3 hướng quanh trục .
	Đầu đọc thẻ: Đầu đọc thẻ thông minh (ICC) dùng đọc thẻ bệnh nhân, thẻ người sử dụng và thẻ của kỹ sư.
	Chức năng khẩn cấp (Emergency) khi kích hoạt: Giảm tốc độ bơm máu, Dừng siêu lọc, Bù dịch tự động
	Nước cung cấp:
	Áp lực đầu vào: 1.5 – 6.0 bar.
	Nhiệt độ đầu vào: 5 °C – 30 °C
	Đầu ra tối đa cao 1m.
	Ngỏ vào rửa đoạn ống cấp nước (tuỳ chọn)
	Nguồn điện:
	Điện thế: 100 - 240 V AC ± 10 %, 47 Hz - 63 Hz.
	Tiêu thụ dòng : xấp xỉ 6A tại 230V với nhiệt độ nước đầu vào là 17 °C và nhiệt dịch lọc là 37°C và lưu lượng dịch lọc là 500ml/phút
	Kết nối bên ngoài:
	Nối ra cảnh báo, điện thế ngõ ra là 24V/24W
	Cổng kết nối mạng LAN (RJ45) cho chuyển đổi dữ liệu với hệ thống quản lý dữ liệu
	KHỐI DÂY MÁU BÊN NGOÀI
	Kiểm soát áp lực động mạch:

	Khoảng hiển thị: – 300 mmHg tới + 300 mmHg
	Độ chính xác: ±7 mmHg
	Dải cài đặt: 5mmHg
	Kiểm soát áp lực tĩnh mạch:
	Khoảng hiển thị: – 100 mmHg tới + 500 mmHg
	Độ chính xác: ±7 mmHg
	Dải cài đặt: 5mmHg
	Kiểm soát áp lực xuyên màng:
	Khoảng hiển thị: – 100 mmHg tới + 400 mmHg
	Dải cài đặt: 5mmHg
	Bơm máu động mạch:
	Tốc độ bơm: : 30 tới 600 ml/phút
	Độ chính xác: ±10 %
	Bộ phát hiện khí: Phát hiện khí nhờ vào bộ đo truyền sóng siêu âm trên dây máu thêm mức dung lượng và theo dõi quang học.
	Bơm Heparin:
	Lưu lượng truyền: 0.5 - 10 ml/giờ
	Bolus: 1 – 20mL.
	Kích cỡ xy lanh : 20/30ml
	KHỐI THỦY LỰC
	Tốc độ (lưu lượng) dịch lọc :
	Lựa chọn: 0 – 1.000 ml/phút (các bước chỉnh 100mL)
	Dòng tự động (AutoFlow) : Tự động điều chỉnh lưu lượng dich theo lưu lượng máu (hệ số có thể thay đổi)
	Dòng tiết kiệm (EcoFlow): Dòng dịch tiết kiệm cho chế độ HD/HDF là 100/150ml/phút trong khi chuẩn bị máy và trả máu cho bệnh nhân
	Nhiệt độ dịch : 34 °C - 39 °C
	Độ dẫn điện của dịch lọc : 12.8 - 15.7 mS/cm
	Độ chính xác: ±0.1 mS/cm
	Nồng độ Natri dịch lọc:
	Tỉ lệ trộn dịch: 1+44, 1+34. Có thể thay đổi cho nhiều loại khác.
	Khoảng thay đổi: 125 đến 151 mmol/l
	Nồng độ Bicarbonate trong dịch lọc:
	Tỷ lệ trộn mặc định: 1 + 27.6 . Có thể thay đổi.
	Khả năng thay đổi: 24 to 40 mmol/l (bước cài đặt 0.5 mmol/l).
	Dịch bicard bột: Dùng bibag.
	Độ cân bằng chính xác của dịch lọc : ± 0.1% so với tổng thể tích dịch lọc

	Siêu lọc (Ultrafiltration)
	Tốc độ rút ký: 0 – 4000 mL/giờ
	Độ chính xác: ± 1 %.
	Các thông số hiển thị : UF Goal, UF time, UF rate và UF volume (số ký cần rút , thời gian rút ký, tốc độ rút ký và số ký đã rút)
	Bộ phát hiện rò rỉ máu
	Độ nhạy: ≤ 0.5 mL máu/phút (Hct = 25%)
	Với mức lưu lượng: 100 - 1000mL/phút.
	Hệ thống lọc dịch thẩm phân : DIASAFE plus
	Online Plus: Online HDF
	Tốc độ bù dịch: 25 tới 600ml/phút
	Độ chính xác: ± 10 %.
	Tự động bù AutoSub: Bù theo lưu lượng máu
	OCM: Theo dõi độ thanh thải trực tuyến Online
	Độ chính xác độ thanh thải K: ± 6 %.
	CÁC CHƯƠNG TRÌNH RỬA CỦA MÁY
	Rửa: Nhiệt độ/lưu lượng: 37°C / 600 - 800ml/ phút (có thể thay đổi)
	Rửa nóng (tuần hoàn): Nhiệt độ/lưu lượng: 85°C /600 - 800ml/phút (có thể thay đổi)
	Rửa bằng Sporotal 100 (tuần hoàn): Nhiệt độ/lưu lượng: 37°C /600 - 800ml/phút (có thể thay đổi)
	Tẩy trùng nóng bằng Diasteril/Citroteril (tuần hoàn): Nhiệt độ/lưu lượng: 85°C /600 - 800ml/phút (có thể thay đổi)
	Tẩy trùng bằng Puristeril 340 plus (tuần hoàn): Nhiệt độ/lưu lượng: 37°C /600 - 800ml/phút (có thể thay đổi)

3 Hệ thống xử lý nước RO cho máy chạy thận nhân tạo (C/s: 2000L/h)

(Nguồn nước đầu vào : Nước sạch cấp cho sinh hoạt, đạt Quy chuẩn 01/ 2009 Bộ Y Tế)

TT	Diễn giải	Đơn vị	Số lượng
I	**Hệ thống lọc khử sắt, làm mềm, cặn**		
1	Máy bơm nguồn (Cấp nước vào): CNP - TQ - Công suất: 2,2kw/380v/50Hz	Cái	2
2	Cột lọc đa cấp khử sắt, mangan, hữu cơ, màu công suất 4-4,5m3/h. Gồm: - Cột Composite chịu áp cao 2472. Vật liệu lọc: cát thạch anh - Việt Nam, Quặng Zeolít - Nga - Autovan sục rửa vật liệu - TQ - Bao gồm đường ống, van, phụ kiện chọn bộ bằng ống 304	Bộ	1
3	Cột làm mềm khử cứng (Canxi) công suất 4-4,5m3/h. - Cột Composite chịu áp cao 2472 - Trung Quốc. Hạt nhựa trao đổi ion - Ấn Độ, Thùng muối - Việt Nam. - Autovan sục rửa vật liệu - TQ - Bao gồm đường ống, van, phụ kiện chọn bộ bằng ống inox 304	Bộ	1
4	Cột lọc các bon khử Clo dư,màu công suất 4-4,5m3/h Gồm: - Cột Composite: chịu áp cao 2472 - Trung Quốc - Than hoạt tính - Ấn Độ - Autovan sục rửa vật liệu - TQ - Bao gồm đường ống, van, phụ kiện chọn bộ bằng ống 304	Bộ	2
5	Phin lọc 7 lõi - 20inch - Việt Nam	Bộ	1
6	Tank chứa nước sau hệ tiền lọc 2000 lít - Việt Nam - Chất liệu Inox 304, dày 0,8mm	Cái	1
II	**Hệ thống RO (Thẩm thấu ngược) Màng siêu lọc**		

TT	Diễn giải	Đơn vị	Số lượng
1	Hệ thống tủ điều khiển - Việt Nam. Bao gồm attomat, khởi động từ hãng LS, bộ điều khiển báo mức hãng Omron , rơle điều khiển và các thiết bị phụ như cầu nối, dây điện, đầu cos: Trọn gói.)	Bộ	1
2	Hệ thống màng lọc RO - (Gồm 08 màng - LG - Hàn Quốc; 01 bơm cao áp 4,0kw/380v/50Hz - CNP - TQ; đồng hồ đo áp lực nước; hệ thống van điều khiển - Việt Nam). - Khung giá đỡ bằng inox 304 - Việt Nam. - Đường ống bằng ống van phụ kiện inox 304 - Việt Nam	Bộ	1
3	Bồn Inox chứa nước sau RO 2000 lít, Inox 316 - Việt Nam. + Model: 2000L + Hãng sx: cty A&A Việt Nam - Thân bồn bằng Inox 316, chân bồn bằng inox 304. - Thân bình dày 1,5mm, Đỉnh và đáy bình dày 2mm - Có bộ lọc khí	Cái	1
II	**Hệ thống khử vi sinh, cấp nước vào máy chạy thận nhân tạo**		
1	Đèn UV VH410 khử trùng - hãng VIQUA - nước sx Canađa. - Bao gồm khung giá Inox 304, hộp 40x40	Bộ	2
2	Lõi vi lọc - Hàn Quốc + cốc đựng sau khử trùng 0,2 micron - Việt Nam	Bộ	2
3	Bơm ấp nước R/O vào máy thận - CNP - Trung Quốc - Công suất 0,75kw/220v/50Hz - 01 bơm Cấp nước cho 10 máy thận.	Cái	2
4	Hệ thống đường ống nhựa uPVC cấp cho máy thận - Đài Loan - Phụ kiện: keo dán, băng tan, gen hộp nhựa... - 01 đồng hồ áp. - Đường thải bằng ống nhựa PVC - Tiền Phong - Việt Nam.	Bộ	1

TT	Diễn giải	Đơn vị	Số lượng
5	Chậu rửa quả lọc bằng Inox 304 (5 cổng rửa) - Kích thước: dài 2m x rộng 0,5m x cao 1,6m (chân cao 0,45m, chậu 0,35m, tấm inox treo ống cấp nước 0,8m) - 05 Cổng rửa/1 lần rửa. - ống cấp bằng nhựa PVC - Đài Loan, van khóa bằng Inox304.	Bộ	2

II, Khoa phục hồi chức năng

1. Máy kéo nắn cột sống

Cấu hình cung cấp:

-01 Máy chính có màn hình màu cảm ứng

-01 Dây nguồn

-01 Công tắc ngắt bệnh nhân

-01 Ghế kê chân

-01 Đai kéo giãn cổ nằm chuyên dụng

-01 Đai kéo giãn lưng

-01 Dây đai vùng ngực

-01 Giường kéo giãn nâng hạ điện

-01 Thanh điều chỉnh góc kéo có puly

-01 Điều khiển nâng hạ giường

-04 Nút cố định thiết bị trung tâm với khung kéo

-01 Dây kéo bằng nylon 170cm có móc leo núi (móc carabiner)

-01 Giá đỡ máy chính

-01 Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt

Thông số kỹ thuật:

-Menu được sắp xếp theo cấu trúc giúp cho quýkhách lựa chọn ứng dụng điều trị dễ dàng.
-Tất cả các thông tin cần thiết đều được hiển thị,
- không chỉ khi thiết lập các thông số điều trị và còn trong suốt quá trình điều trị.
-Loại điều trị: 5 kiểu kéo trị liệu.
Có thể kết hợp 1 đến 5 kiểu kéo trong 1 chương trình kéo.
-Lực kéo: 2 - 90 kg
-Thời gian kéo/ Thời gian giữ lực cơ sở: 1 giây – 1 giờ (quãng nghỉ 1 giây)
-Lặp lại: (không liên tục và theo chu kì): 1 – 100 lần
-Thời gian giữ các bước (luỹ tiến): 1 giây – 5 phút (quãng nghỉ 1 giây)
-Các bước (luỹ tiến): 1 – 20
Tốc độ (thay đổi lực kéo): 0.1 - 5.0 kg/giây
-Thời gian điều trị: 1 giây – 120 phút
-Phác đồ điều trị có sẵn: 2
-Kiểm soát an toàn cho lực kéo trên: 20 kg
-Màn hình: 4 inches, Màn hình cảm ứng

2. Máy siêu âm điều trị

Cấu hình cung cấp:

01 Máy chính
-01 Dây cáp nguồn
-01 Đế đỡ thiết bị (hỗ trợ đặt nghiêng)
-01 Đầu siêu âm size lớn
-01 Chai gel hỗ trợ tiếp xúc 250ml
-01 Giá giữ đầu phát
-01 hướng dẫn sử dụng

Thông số kỹ thuật:

Núm xoay vô cực có chỉ thị led xung quanh
-Thiết bị hỗ trợ nâng cấp lên siêu âm tĩnh bằng giác hút chân không.
-Tần số siêu âm:1 và 3 MHz

-Sóng siêu âm:liên tục và xung

-Chu kì hiệu suất:5, 10, 20, 33, 50, 80%

-Thời gian xung:0,5 - 8 ms, được đặt theo chu kỳ nhiệm vụ

-Tần số xung: 16 Hz, 48 Hz và 100 Hz

-Cường độ:0-2 W/cm2,chế độ liên tục,0-3 W/cm2,chế độ xung

-02 cổng kết nối điều trị cho 2 bệnh nhân cùng lúc trên 2 chương trình khác nhau-

-Màn hình:LCD đa sắc màu cảm ứng chạm,

-Cảnh báo không tiếp xúc bằng hình ảnh: 1 vòng tròn 360 độ xung quanh đầu phát

3.Thiết bị điện xung trị liệu

Cấu hình cung cấp:

-01 Máy chính

-01 Dây cáp nguồn

-01 Từ điển y khoa hướng dẫn điều trị bằng hình ảnh giải phẫu hướng dẫn vị trí đặt cực âm dương và hình ảnh nhóm cơ tác dụng (tích hợp sẵn)

-01 Đế đỡ thiết bị (hỗ trợ đặt nghiêng)

-01 Dây đai 250x3cm

-01 Dây đai 100x3cm

-02 bộ Dây cáp điện cực 2 lõi dài 2m nối từ điện cực vào máy giắc cắm có chân 2mm - màu đen

-02 Túi kẹp nhựa chỉ thị mầu phân biệt giữa hai kênh

-04 chiếc điện cực bệnh nhân

-04 miếng vỏ bọc điện cực làm ẩm.

-01 quyển sách hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt

Thông số kỹ thuật:

Màn hình:Hiển thị màu, tinh thể lỏng

- 02 kênh điều trị độc lập hoàn toàn, điều chỉnh riêng biệt các thông số và cường độ dòng điện trên mỗi kênh

-26 dòng điện trị liệu trên mỗi kênh điều trị

- có 42 Chương trình điều trị có sẵn

- hướng dẫn điều trị chi tiết, cách đặt điện cực và hình ảnh giải phẫu cơ thể người

- Thời gian điều trị:0 – 60 phút

Các dòng điều trị

1: Chương Trình Sốc Điện (Surge program)

Thời gian tăng : 0 - 9 s, theo bước 1s

Thời gian giữ : 0 - 60 s, theo bước 1s

Thời gian giảm : 0 – 9 s, theo bước 1s

Thời gian nghỉ giữa quãng : 0 - 120 s, theo bước 1s

Thời gian trễ : 0.1 - 80 s, dưới 10s thì theo bước 0.1s, còn lại theo bước 1s

2: Dòng Giao Thoa 4 Cực (Interferential, 4 polar)

Tần số sóng mang : 2, 2.5, 3, 3.5, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 kHz

Tần số phách (AMF) : 0 – 200 Hz theo bước 1 Hz

Điều biến tần số (quang phổ) : 0 - 180 Hz theo bước 1 Hz

Chương trình điều biến : 1/1, 6/6, 12/12, 1/30/1/30 s

Biên độ : 0 - 100 mA

3: Dòng Vector Đồng Phẳng (Isoplanar vector)

Tần số sóng mang : 2, 2.5, 3, 3.5, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 kHz

Tần số phách (AMF) : 0 – 200 Hz theo bước 1 Hz

Điều biến tần số (quang phổ) : 0 - 180 Hz theo bước 1 Hz

Chương trình điều biến : 1/1, 6/6, 12/12, 1/30/1/30 s

Biên độ : 0 - 100 mA

4. Dòng Vector Lưỡng Cực Điều Chỉnh Tự Động (Dipole Vector Automatic)

Tần số sóng mang : 2, 2.5, 3, 3.5, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 kHz

Tần số phách (AMF) : 0 – 200 Hz theo bước 1 Hz

Biên độ : 0 - 100 mA

Thời gian xoay vòng : 1 - 10 s theo bước 1s

5. Dòng Vector Lưỡng Cực Điều Chỉnh Bằng Tay (Dipole Vector Manual)

Tần số sóng mang : 2, 2.5, 3, 3.5, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 kHz

Tần số phách (AMF) : 0 – 200 Hz theo bước 1 Hz

Điều biến tần số (quang phổ) : 0 - 180 Hz theo bước 1 Hz

Chương trình điều biến : 1/1, 6/6, 12/12, 1/30/1/30 s
Biên độ : 0 - 100 mA
Vector độ phân giải : 2.25° mỗi bước (160 bước đi qua 360°)
6. Dòng Không Đối Xứng (Asymmetrical)
Thời lượng pha : 10 - 400 µs theo bước 5 µs
Tần số xung : 1 - 200 Hz, theo bước 1 Hz
Điều biến tần số : 0 - 180 Hz theo bước 1 Hz
Chương trình điều biến : 1/1, 6/6, 12/12, 1/30/1/30 s
Chương trình sốc điện : Có
Biên độ : 0 - 140 mA
7. Dòng Xoay Chiều Không Đối Xứng (Asymmetrical Alternating)
Thời lượng pha : 10 - 400 µs theo bước 5 µs
Tần số xung : 1 - 200 Hz, theo bước 1 Hz
Điều biến tần số : 0 - 180 Hz theo bước 1 Hz
Chương trình điều biến : 1/1, 6/6, 12/12, 1/30/1/30 s
Chương trình sốc điện : Có
Biên độ : 0 - 140 mA
8. Dòng Xung Nhóm Không Đối Xứng (Burst Asymmetrical)
Thời lượng pha : 10 - 400 µs theo bước 5 µs
Tần số xung : 1 - 200 Hz, theo bước 1 Hz
Tần số xung nhóm : 1 – 9 Hz, theo bước 1 Hz
Biên độ : 0 - 140 mA
9. Dòng Xung Nhóm Xoay Chiều Không Đối Xứng (Burst Asymmetrical Alternating)
Thời lượng pha : 10 - 400 µs theo bước 5 µs
Tần số xung : 1 - 200 Hz, theo bước 1 Hz
Tần số xung nhóm : 1 – 9 Hz, theo bước 1 Hz
Biên độ : 0 - 140 mA
10. Dòng Đối Xứng (Symmetrical)

Thời lượng pha : 10 - 400 µs theo bước 5 µs
Tần số xung : 1 - 200 Hz, theo bước 1 Hz
Điều biến tần số (quang phổ) : 0 - 180 Hz theo bước 1 Hz
Chương trình điều biến : 1/1, 6/6, 12/12, 1/30/1/30 s
Chương trình sốc điện : Có
Biên độ : 0 - 140 mA
11. Dòng Xung Nhóm Đối Xứng (Burst Symmetrical)
Thời lượng pha : 10 - 400 µs theo bước 5 µs
Tần số xung : 1 - 200 Hz, theo bước 1 Hz
Tần số xung nhóm : 1 – 9 Hz, theo bước 1 Hz
Biên độ : 0 - 140 mA
12. Dòng Tiền Điều Biến (Premodulated)
Tần số sóng mang : 2, 2.5, 3, 3.5, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 kHz
Tần số phách (AMF) : 0 – 200 Hz theo bước 1 Hz
Điều biến tần số (quang phổ) : 0 - 180 Hz theo bước 1 Hz
Chương trình điều biến : 1/1, 6/6, 12/12, 1/30/1/30 s
Chương trình sốc điện : Có
Biên độ : 0 - 140 mA
13. Dòng Kích Thích Kiểu Nga (Russian Stimulation)
Tần số sóng mang : 2, 2.5, 3, 3.5, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 kHz
Tần số xung nhóm : 0 - 100 Hz theo bước 1 Hz
Xung nhóm/ Tạm ngừng : 1:1, 1:2, 1:3, 1:4, 1:5
Chương trình sốc điện : Có
Biên độ : 0 - 100 mA
14. Dòng Điện Trường Cao Áp Xoay Chiều (Xung Sinh Đôi) (High Voltage (Twin Pulse))
Tần số : 1 – 200 Hz theo bước 1 Hz
Điều biến tần số (quang phổ) : 0 – 180 Hz theo bước 1 Hz, tổng của Tần Số Xung và Điều Biến Tần Số không được vượt quá 200 Hz
Chương trình điều biến : 1/1, 6/6, 12/12, 1/30/1/30 s

Thời gian xoay chiều : 10 – 100 s, theo bước 10 s

Tăng, giảm : 0,5 s

Biên độ : 0 – 500 Volt theo bước 1 Volt

15. Dòng Vi Dòng (Micro Current)

Tần số : 0 – 1000 Hz

Phân cực : Dương và Âm

Chương trình sốc điện : Có

Biên độ : 10 µA - 1 mA theo bước 10 µA

16. Dòng Vi Dòng Xoay Chiều (Micro Current Alternating)

Tần số : 0 – 1000 Hz

Thời gian xoay chiều : 0,2 – 20 s, từ 0,2 – 1 s thì theo bước 0,1s còn từ 1 – 20s thì theo bước 1s

Tăng, giảm : 0 s

Biên độ : 10 µA - 1 mA theo bước 10 µA

17. Dòng Xung Hình Sin Diadynamic (Diadynamic current)

Các thiết lập : MF (dòng xung một pha cố định), DF (dòng xung hai pha cố định), CP (chu kì ngắn), LP (chu kì ngắn) và CPid (chu kì ngắn – gần giống)

Chương trình sốc điện : chỉ có trên MF và DF

Phân cực : Dương và Âm

Biên độ : 0 - 70 mA

18. Dòng Galvanic Gián Đoạn MF (MF interrupted galvanic current)

Tần số : 8000 Hz

Chu kì hiệu suất : 90%

Phân cực : Dương và Âm

Biên độ : 0 - 40 mA

19. Dòng Galvanic Trực Tiếp (Direct Galvanic current)

Phân cực : Dương và Âm

Biên độ : 0 – 40 mA

20. Dòng Faradic Xung Hình Chữ Nhật (Faradic Rectangular Pulsed Current)

Thời lượng pha : 0.02 – 1000 ms

Tần số xung : 0.2 – 1 Hz, theo bước 0.1 Hz, từ 1 – 200 theo bước 1 Hz

Chương trình sốc điện : Có

Phân cực : Dương và Âm

Biên độ : 0 - 80 mA

21. Dòng Faradic Xung Hình Tam Giác (Faradic Triangular Pulsed Current)

Thời lượng pha : 0.1 – 1000 ms

Tần số xung : 0.2 – 1 Hz, theo bước 0.1 Hz, từ 1 – 200 theo bước 1 Hz

Chương trình sốc điện : Có

Phân cực : Dương và Âm

Biên độ : 0 - 80 mA

22. Dòng Träbert 2 – 5 (Träbert 2-5 (Rectangular Pulsed Current))

Thời lượng pha : 2 ms

Khoảng nghỉ : 5 ms

Phân cực : Dương và Âm

Biên độ : 0 - 80 mA

4.Tủ sấy Paraffin trị liệu

Cấu hình cung cấp:

- Thân tủ sấy: 01 chiếc
- Số lượng khay Inox dài 320 x rộng 220 x sâu 48mm:20 khay đã có Paraffin
- Hệ thống cài đặt nhiệt độ: 01 chiếc
- Hệ thống cài đặt thời gian: 01 chiếc
- Quạt đối lưu khí tuần hoàn: 01 chiếc
- Dây tiếp địa : 01 cái
- Hướng dẫn sử dụng : 01 bộ

Thông số kỹ thuật:

- Kích thước tổng thể của tủ: Dài 850 x Rộng 580 x Cao 1260 mm.
- Kích thước khoang sấy của tủ: Dài 760 x Rộng 400 x Cao 860mm

- Nhiệt độ sấy tối đa: 1000C
- Công suất tiêu thụ của tủ: 4Kw
- Điện áp làm việc: 220V, 50Hz

5. Máy tập đa năng

***Cấu hình cung cấp*:**

Khung chính kèm các chi tiết sau :

Bộ ghế tập cơ tứ đầu đùi

Bộ tập sấp ngửa bàn tay

Bộ tập quay khớp cổ tay

Bộ tập cho ngón tay

Bộ tập tay quay cánh tay

Bộ tập khớp bả vai

Thông số kỹ thuật:

Kích thước vận chuyển: 700 x 1000 x 1850~2250 mm

Kích thước thiết bị: 695 × 1000 × 1830~2230mm

Kích thước ghế: 510 x 640 x 40 mm

Trọng lượng: 150 Kg.

6.Máy xoa bóp trị liệu bằng hơi

Cấu hình cung cấp:

Máy chính : 01 cái
Ống nén khí xoa bóp chân 6 buồng : 02 cái
Ống nén khí xoa bóp tay : 01 cái
Ống nén khí xoa bóp vùng lưng : 01 cái
Dây dẫn khí cho chân : 01 cái
Dây dẫn khí cho tay : 01 cái
Dây dẫn khí cho lưng : 01 cái
Tai liệu HDSD anh việt : 01 bộ

- ***Thông số kỹ thuật:***

Nguồn điện: AC 220V, 60Hz
Công suất tiêu thụ: 25W
Dòng điện định mức: 0.2A

Thời gian điều trị: 0 ~ 60 phút
Áp suất: 20 ~ 275mmHg (± 10%)
Trọng lượng: 7.8kg

7.Máy kích thích phát âm

Cấu hình cung cấp:

01x Dây nguồn
-01 bộ Dây cáp nối điện cực
-04x Điện cực cao su điều trị
-04x Miếng làm ẩm điện cực
-04x Điện cực thép
-Miếng làm ẩm điện cực thép
01 chiếc Điện cực điểm công tác bằng nhựa và miếng làm ẩm điện cực
02 Đai thắt điện cực điều trị
01x Bộ hướng dẫn sử dụng Anh/ Việt

Thông số kỹ thuật

- cung cấp các phương pháp điều trị sau:

- Interferential (Giao thoa) : tĩnh, động, 2 cực, gián đoạn.
- Dòng Diadynamic : DF, MF, RS, MM,CP,LP,
  CPiso, LPiso (với trình tự điều chỉnh)
- Kích thích liệt nhẹ (xung tần số trung bình
- Kích thích co cứng : ở chế độ cả hai kênh
- Dòng TENS: Tiêu chuẩn, không đối xứng và điều biến
- Dòng BURST TENS
- Dòng HV (High Voltage – Điện áp cao)
- Dòng Kotz / Russian (kích thích kiểu Nga)
- Dòng Trabert (2-5)
- Dòng Microcurrents (Vi dòng)
- Dòng Điều biến faradic, neofaradic
- Dòng Various wave modulation: Điều chế sóng khác nhau với phạm vi điều chỉnh rộng để kích thích cơ điện
- Dòng NMES (Neuromuscular Electrical Stimulation)- Kích thích điện thần kinh cơ
- Dòng FES (Functional Electical stimulation)- Chức năng kích thích điện

- Dòng IDC (Interrupted Direct Current) – Dòng một chiều gián đoạn
- Dòng DC (Galvanization)- Điện phân thuốc
- Dòng Ionophoresis
- Dòng Chẩn đoán điện (biểu đồ I/t)

Tính năng sản phẩm:

- -Hai kênh điều trị đồng thời cùng lúc và hoàn toàn độc lập.
- -Màn hình cảm ứng 4,3 inch và 9 nút bấm dễ dàng cho người sử dụng
- -Có sẵn các chương trình điều trị cho các bệnh lý phổ biến: 110 chương trình

-Dễ dàng lưu trữ các chương trình do người

- dùng cài đặt từ màn hình

8.Máy Laser cường độ cao

Cấu hình cung cấp:

- Đầu phát laser : 01 Cái
- Công tắc khóa mở : 01 Cái
- Cáp nguồn cung cấp: 01 Cái
- Kính ngăn tia laser: 01 cái
- Hướng dẫn sử dụng Anh/Việt: 01 bộ

Thông số kỹ thuật:

- Với 03 chế độ khác nhau trong "Pain Management" (Điều trị đau) và 02 chế độ khác cho điều trị phù và kích thích sinh học (chấn thương, loét, đau nhức).
- Phần mềm cải tiến mang lại khả năng cá nhân hoá việc điều trị một cách đa dạng dựa theo "hình dáng" và "kích thước" của bệnh nhân: ta cũng có thể chọn giá trị "cấp tính" hoặc "mãn tính".
- Danh sách các bệnh lí liên quan đến từng vùng cơ thể riêng biệt. Trên màn hình sẽ hiển thị hình ảnh 3D thể hiện giải phẫu của cơ thể người, cho biết rõ 25ang các điểm cần được điều trị.
- Tay cầm với nhóm quang học được cấu thành từ nguồn laser có mức năng lượng lên tới 1.1 W và công suất tối đa 25 W
- Vùng điều trị mục tiêu ø2cm được đánh dấu bởi các đèn LED đỏ hiệu năng cao
- Hoạt động đồng thời 02 kênh phát độc lập riêng biệt
- Chế độ hoạt động: xung và liên tục
- Điều biến tần số từ 1 đến 2000 Hz theo bước 1 Hz
- Mức công suất 25%, 50%, 75% và 100%, chu trình hoạt động cố định tại mức 50% hoặc biến thiên
- Thời gian điều trị từ 1 giây đến 99 phút
- Tự động tính toán năng lượng được phát ra

- Tính năng báo và an toàn:
- Đèn báo chiếu xạ laser
- Khoá liên động
- Tín hiệu âm thanh được chọn bởi người điều khiển

- Mật khẩu để vận hành thiết bị

9.Máy điều trị nhiệt nóng lạnh

Cấu hình tiêu chuẩn:

Máy chính kèm phụ kiện: 01 bộ, bao gồm:

+Dây dẫn khí: 01 cái
+ Bao quấn đầu gối 01 cái
+Bao quấn phổ thông 01 cái
+Bao quấn lưng 01 cái
+Bao quấn khủy tay: 01 cái
+Bao quấn vai: 01 cái
+Bao quấn gót chân: 01 cái
+Túi đựng chuyên dụng: 01 cái

Tính năng kỹ thuật:

- được thiết kế để tối đa hóa chức năng của hệ thống CTC-7 bằng cách cung cấp nước lạnh hoặc nước nóng bằng khí nén.
- Đặc biệt, vỏ bao quấn gồm tấm chứa nước bên trong giúp nước lạnh/nóng chảy đều từ bên này sang bên kia vết thương, đồng thời bám chặt hơn lớp đệm nước trên da thông qua quá trình nén khí định kỳ giúp quá trình xử lý nhiệt/lạnh hiệu quả hơn. Ngoài ra, thời gian nén và khoảng thời gian tự động được áp dụng không liên tục.
- Các dây đai thích hợp được gắn vào bao quấn có thể điều chỉnh và cố định cho phù hợp với nhiều kích cỡ khác nhau
- Bao quấn có van xả riêng nên dễ dàng giữ khô ráo và bảo quản sau khi sử dụng.

*Tính năng chính

- Đặc tính
+ Không dùng đá
+ Sử dụng liên tục
+Thiết kế bao quấn cao cấp
- Giao thức
+Làm lạnh + nén
+ Làm nóng + nén
+Tương phản + nén
-Thuận tiện
+Kiểm tra & báo động nước tự động
+Làm sạch bằng hơi nước
+Xả tự động

* Tác dụng
- Giảm đau
- Giảm sưng
- Giảm viêm
Từ đó giúp Tiết kiệm chi phí và Xuất viện sớm
+ Nguồn điện : AC 100-240V, 50/60Hz
+ Điện năng tiêu thụ : 270VA
+ Chế độ: Lạnh, Nóng, Tương phản
+ Nhiệt độ : Lạnh 6 - 15°C ±3°C (43 - 59°F ±5.4°F),
Nóng 35 - 45°C ±3°C (95 - 113°F ±5.4°F)
+ Khoảng thời gian : Lạnh 5 - 60 phút / Chế độ cài sẵn
Nóng 5 - 30 phút / Chế độ cài sẵn
+ Dải nén: 0, 15, 30, 50, 75mmHg
+ Kích thước : 10.7(W) x 7(D) x 9.4(H)ft
27,2(Rộng) x 18(Sâu) x 23,9(C)cm
+ Trọng lượng :3.7kg / 8.2lb
+ Loại IP bảo vệ : IPX0
+ Chất lỏng khuyên dùng: Nước cất
+ Cấp/loại bảo vệ: Loại I/Loại BF
+ AN TOÀN : IEC 60601-1
+ EMC : IEC 60601-1-2

10.Bộ trang thiết bị cho phòng tập tự kỷ

Cấu hình cung cấp:

- Bảng chữ cái tiếng anh bằng gỗ: 01 bộ
- Bảng số tới 10 bằng gỗ: 01 bộ
- Bàn lăn mát xa tay, chân: 01 cái
- Búa cọc bằng gỗ: 01 cái
- Đồng hồ học số hình học bằng gỗ: 01 cái
- Trống gỗ: 01 cái
- Bảng nhận hình bằng gỗ: 01 bộ
- Học đếm đến 5 trụ gỗ: 01 bộ
- Bàn tính học đếm: 01 cái
- Bảng cắm trụ tròn giảm dần: 01 bộ

Bảng cắm trụ tròn nhỏ dần: 01 bộ

Nệm tập (1.9x1.4m)-N1
Mã hàng : PN65N01
- KT:190x140x7cm
- Gòn ép dày 7cm bọc simily, Tập vận động
- Nhà SX : PhaNa
- Nước SX : Việt Nam

Trục lăn 15x60cm tập trẻ khuyết tật -TL2
- KT:15x60cm
- Mousse bọc simily , ống nhựa.

Tập chịu sức hai tay xuống sàn bằng tư thế nằm sấp. Tập ngồi thăng bằng dang hai chân qua trục
- Nhà SX : PhaNa
- Nước SX : Việt Nam

Trục lăn 20x80cm tập trẻ khuyết tật-TL3
-KT:20x80 cm
- Mousse bọc simily , ống nhựa.

Tập chịu sức hai tay xuống sàn bằng tư thế nằm sấp. Tập ngồi thăng bằng dang hai chân qua trục
- Nhà SX : PhaNa
- Nước SX : Việt Nam

Bục tam giác 60x50x20cm
- KT:60x50x20cm
- Mousse bọc simily
- Cho trẻ nằm sấp hoặc nàm ngửa tùy theo mục đích tập luyện .
- Nhà SX : PhaNa
- Nước SX : Việt Nam

Bục tam giác tập trẻ khuyết tật sơ sinh
- KT: 30x30x10cm
- Mousse bọc simily
- Tập trẽ bại BN
- Nhà SX : PhaNa
- Nước SX : Việt Nam

Khung tập đi inox cho trẻ em mẫu 1
- KT: 60x50x50-60cm (+/- sai số 5%)
- Inox , Tập đi trẻ em . Xếp gọn
- Có chỉnh cao - thấp
- Nhà SX : PhaNa
- Nước SX : Việt Nam

Khung đi trẻ em có đai nâng đỡ

- Khung sắt sơn tĩnh điện
- KTPB (DxR): 80x75cm , cao từ 65 đến 75cm (+/- sai số 5%); Vòng bụng:20x34cm ; Dây đai: 52x25 cm
- Có đai giữ nâng đỡ thân mình , có vòng ôm ngực để trẻ tựa vào và để 2 tay trên mặt bàn giúp trẻ có thể chơi và tập đi vững vàng
- Có 4 bánh xe, 2 bánh xe có khóa chống lùi, 2 bánh xe nhỏ không khóa
- Nhà SX : PhaNa
- Nước SX : Việt Nam

Khung tập đứng thẳng trẻ em loại cao mẫu 2

- Khung sắt sơn tĩnh điện.
- KT :96x60x93-118cm (+/- sai số 5%);Tựa lưng:72x40 cm; Để chân: 35x40 cm
- Bàn chân--> mặt bàn : 75 cm

*Tập trẻ đứng thẳng , cố định khớp hông , gối , cổ chân và xương chậu đúng tư thế , cung cấp sự nâng đỡ cả phía trước và phía sau .Sử dụng cho trẻ có khả năng kiểm soát đầu thân tốt nhưng không duy trì tư thế đứng thẳng trục và chịu sức trên 2 chân kém

Ghế tập ngồi đặc biệt trẻ em

- Khung sắt sơn tĩnh điện, chỗ ngồi mouse bọc simily

- KT: 67x50x110cm (+/- sai số 5%)
- chỗ ngồi : ngang 35 cm,sâu 30 – 40 cm
- chỗ ngồi --> tựa tay : 18--> 24 cm
- chỗ ngồi --> đầu : 57 cm , ngang ngực : 32 cm
- Gối--> bàn chân : 10--> 30 cm

Giúp duy trì tư thế đúng để thực hiện các chức năng sinh hoạt hằng ngày như học, chơi, ăn uống. Giúp phát triển vận động các cơ cổ, thân mình, hai tay.

* Thích hợp hầu hết trẻ bại não .

Ghế tập ngồi tam giác cho trẻ em

- Khung sắt sơn tĩnh điện,chỗ ngồi bọc simily
- KT : 70x50x90 cm (+/- sai số 5%)
- chỗ ngồi : ngang 40 cm,sâu 28 – 35 cm
- chỗ ngồi --> tựa tay : 20 cm
- chỗ ngồi -->đầu : 50 cm , ngang ngực : 33 cm
- Gối-->bàn chân : 13-->22 cm .

*Giúp duy trì tư thế đúng để thực hiện các chức năng sinh hoạt hằng ngày như học, chơi, ăn uống. Giúp phát triển vận động các cơ cổ, thân mình, hai tay.

* Thích hợp cho trẻ tập ngồi rất thoải mái ,từ 7 tháng tuổi đến 4 tuổi .

-Tập ngồi trẻ bại não liệt cứng 2 chi dưới

Sàn nhún tập trẻ khuyết tật vận động

- Khung inox,D= 1m , tập vận động;
- Khối lượng:10kg
- KT: 100x100x77cm (+/- sai số 5%);mặt nhún:73x73cm

Có tay vịn bằng Inox
- Tập mạnh cơ bắp toàn thân
- Tăng cảm nhận cho cơ quan vận động là cơ-xương -khớp
- Rất thích hợp cho trẻ tự kỷ, chậm phát triển.

11. Xe đạp tập chủ động

Cấu hình cung cấp:

Thiết bị chính : 01 cái

Thông số kỹ thuật:

- Tay cầm 2 chức năng đồng bộ kết hợp đạp xe với hành động chèo thuyền.
-Tay cầm cũng có thể được tháo rời để cho phép đạp xe độc lập.
-Đường kính bánh xe 500 mm.
-Dây đeo có thể điều chỉnh độ căng bằng núm điều khiển.
-Màn hình theo dõi thể chất 5 chức năng: Tốc độ; hẹn giờ; khoảng cách; đốt cháy calo và scan.
-Trọng lượng giới hạn: 100 kg
-Kích thước: 112 x 52 x 117 cm
-Trọng lượng. : 20,0 KGS

12.Xe đạp tập thụ động

Cấu hình cung cấp:

Máy chính kèm phụ kiện : 01 bộ, bao gồm :
Khung chính
Màn hình hiển thị
Tay cầm
Bàn đạp
Bánh xe
Tài liệu HDSD : 01 bộ

Thông số kĩ thuật:

- Giao diện người dùng : Màn hình màu 7 inch, cảm ứng
Liệu pháp chuyển động : chủ động, hỗ trợ, thụ động
Mức trở kháng : 20 cấp, 2-20 N / m
Tốc độ động cơ thụ động tiêu chuẩn : 60 RPM (Vòng/ phút)
Tốc độ động cơ cho Parkinson : 100 RPM khi có yêu cầu cụ thể
Tốc độ bàn đạp tối đa : 100 RPM
Số động cơ : 1
Nguồn điện : Châu Âu 220-240V ~ / 50-60Hz - 0,83A

Hoa Kỳ, Canada 110-120V ~ / 50-60Hz - 1,6A
Thiết bị y tế : loại II a
Điều chỉnh độ cao khung hình : tối thiểu 90 cm / tối đa 109 cm
Điều chỉnh độ nghiêng nàn hình : 0 - 90 °
Phạm vi bàn đạp: 3 vị trí khác nhau
Phương thức sử dụng: trên xe lăn / loại ghế phù hợp khác
Di chuyển dễ dàng: với 2 bánh xe bọc cao su
Chức năng kiểm soát co cứng: 3 mức điều khiển / Đảo chiều quay
Động lực tập: Chơi game / phản hồi sinh học
Lưu trữ dữ liệu cá nhân: Thiết lập các thông số và kết quả
Cập nhật phần mềm / Xuất dữ liệu : bằng USB tại nhà

13.Thang gỗ gắn tường

Cấu hình cung cấp:

- Thang gỗ: 01 chiếc

Thông số kỹ thuật:

- Kích thước: Cao 220cm x Rộng 100cm x Dày 10cm (+/- sai số 5%)
- Chất liệu : gỗ dầu sơn PU. Thanh ngang gỗ thông, phi 34, các thanh cách nhau 20cm.
- Khối lượng: 31 kg
- Thiết bị được gắn vào tường với 4 pát chữ I sắt sơn tĩnh điện chắc chắn.
- Tập cột sống, kéo dãn cột sống, các khớp vai, khuỷu tay, cổ tay … có thể vịn vào các thanh gỗ đứng lên ngồi xuống sẽ tập được các khớp vai, khuỷu tay, cổ tay, hông, gối, khớp cổ chân và làm mạnh cơ 2 tay- Thiết bị được gắn vào tường với 4 pát chữ I sắt sơn tĩnh điện chắc chắn.